TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST Ngày: 16 – 3 – 2023 V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;

2. Ông Võ Hoàng Nghiệp.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Thị T A, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 08, ấp VH, xã VHĐ, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 10, ấp VB, xã VH, huyện AP, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Tổ 08, ấp VH, xã VHĐ, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Tô Thị T A có mặt; ông Nguyễn Văn T vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 09/12/2022 của bà Tô Thị T A; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông T tự tìm hiểu và chung sống như vợ chồng vào năm 2011, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà A và ông T chung sống với nhau không hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống,

vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông T thường xuyên ăn nhậu, nhục mạ, có hành vi bạo lực gia đình đối với bà A, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà A xin không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Tô Quang L, sinh ngày 03/4/2012. Hiện nay con chung đang sống cùng bà A, sau khi ly hôn bà A xin được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Nguyễn Văn T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về vấn đề con chung vào ngày 02/02/2023 nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T, ông T cũng không cung cấp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ngày 02/02/2023, bà A có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận công việc làm ăn.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà A giao nộp: Giấy xác nhận số 244/XN-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) xã VHĐ; bản sao Trích lục khai sinh mang tên Tô Quang L; bản sao Căn cước công dân mang tên Tô Thị T A; bản photo Sổ hộ khẩu mang tên Mai Thị M.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 31/01/2023 tại UBND xã VH; biên bản xác minh ngày 02/02/2023 tại Công an xã VHĐ; biên bản lấy lời khai của người làm chứng bà Tô Thị T ngày 11/01/2023.

Tại phiên tòa, bà Tô Thị T A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo Giấy xác nhận số 244/XN-UBND ngày 21/12/2022, UBND xã VHĐ, huyện AP cho biết: Bà Tô Thị T A, sinh ngày 25/8/1995 và ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/1990 không có tên trong bộ hộ tịch đăng ký kết hôn tại xã VHĐ, huyện AP, tỉnh An Giang.

- Theo biên bản xác minh ngày 31/01/2023, đại diện UBND xã VH, huyện AP cho biết: Qua rà soát Sổ hộ tịch tại đơn vị, bà Tô Thị T A và ông Nguyễn Văn T không đăng ký kết hôn tại địa phương.

- Theo biên bản xác minh ngày 02/02/2023, đại diện Công an xã VHĐ, huyện AP cho biết: Ông T sinh sống tại địa chỉ: Tổ 10, ấp VH, xã VHĐ, huyện AP, tỉnh An Giang nhưng không đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ nêu trên.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 11/01/2023, bà Tô Thị T cho biết: Bà T là chị ruột của bà Tô Thị T A, bà T biết rõ mâu thuẫn gia đình giữa bà Tô Thị T A và ông Nguyễn Văn T nên bà T yêu cầu Tòa án ghi nhận ý kiến.

Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông T chung sống như vợ chồng vào năm 2011, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông T thường xuyên ăn nhậu, khi say xỉn thì về nhà kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập vợ con, bản thân ông T cũng không có nghề nghiệp, không chăm lo làm ăn. Bà T và gia đình thường xuyên khuyên nhủ ông T thay đổi nhưng ông T không thay đổi. Đến năm 2021 thì ông T và bà A sống ly thân nhau, bà A về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Khoảng thời gian sống ly thân thì ông T cũng không thể hiện thiện chí muốn hàn gắn tình cảm, cũng không đến nhà thăm con, chỉ khi say xỉn thì mới tìm để đánh bà A. Do đó, bà T mong muốn Tòa án sớm giải quyết cho bà A được ly hôn với ông T. Về con chung: Có 01 con chung tên Tô Quang L, sinh ngày 03/4/2012. Hiện nay con chung đang sống cùng bà A. Về tài sản chung và nợ chung của bà A và ông T thì bà T không rõ.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà Tô Thị T A có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn T vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà A và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định bà A và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên bà A và ông T đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Do đó, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ nên đề nghị không công nhận bà A và ông T là vợ chồng theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; về con chung, đề nghị giao cháu Tô Quang L, sinh ngày 03/4/2012 cho bà A được trực tiếp nuôi dạy, ông T không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung; về tài sản chung và nợ chung; bà A khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết; về án phí; bà A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định, ông T không phải chịu án phí.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn T đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông T đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Tô Thị T A có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt.

Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 10, ấp VB, xã VH, huyện AP, tỉnh An Giang và thường xuyên sinh sống tại: Tổ 10, ấp VH, xã VHĐ, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà A và ông T do tự tìm hiểu, sau đó chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2011 và đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà A và ông T có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hòa hợp. Theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 224/XN-UBND ngày 21/12/2022 của UBND xã VHĐ, huyện AP và Biên bản xác minh tại UBND xã VH, huyện AP ngày 31/01/2023 cùng xác nhận thông tin về việc bà A và ông T không đăng ký kết hôn tại địa phương. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà A và ông T chung sống nhưng không đăng ký kết hôn là có căn cứ, cả hai chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình vợ chồng không hòa hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, tuyên bố không công nhận bà Tô Thị T A và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà A và ông T có 01 (một) con chung tên Tô Quang L, sinh ngày 03/4/2012. Hiện nay con chung đang sống cùng bà A.

Xét thấy con chung hiện nay đã đủ 07 tuổi trở lên và nguyện vọng của con chung là muốn được tiếp tục chung sống cùng bàn A, bà A cũng đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận để bà A được trực tiếp nuôi dạy con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà A về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà A vẫn giữ nguyên ý kiến của mình về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà A trong việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Nguyễn Văn T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Tô Thị T A. Ngược lại, bà Tô Thị T A cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên nếu sau này ông T có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Tô Thị T A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông T và bà A có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, các điều 53, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị T A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Tô Thị T A và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Tô Thị T A được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Tô Quang L, sinh ngày 03/4/2012. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Nguyễn Văn T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Tô Thị T A. Ngược lại, bà Tô Thị T A cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Tô Thị T A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà A đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008006 ngày 29/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bà Tô Thị T A, vắng mặt ông Nguyễn Văn T. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà An có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện AP;
- THADS huyện AP;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tuân